

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2020/DS-PT
Ngày: 19-11-2020
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyện

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 495/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Khu phố C, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà là chủ đầu thảo hụi, bà H có tham gia chơi 02 dây hụi do bà tổ chức như sau:

Dây 1: Hụi tháng 3.000.000đồng, khai ngày 19/6/2013 âm lịch, gồm 23 hụi viên, bà H tham gia 01 phần, đã góp hụi sống đến kỳ thứ 05, ngày 19/10/2013 âm lịch bà H hốt hụi, được 42.000.000đồng, bà H góp hụi chết đến kỳ 19/3/2014 âm lịch thì ngưng còn nợ 13 kỳ là 39.000.000đồng.

Dây 2: Hụi tháng 2.000.000đồng, khai ngày 10/9/2012 âm lịch, gồm 20 hụi viên, bà H tham gia 01 phần, đã góp hụi sống đến kỳ thứ 17, ngày 10/01/2014 âm lịch bà H hốt hụi, được 34.600.000đồng, bà H góp hụi chết đến ngày 10/02/2014 âm lịch thì ngưng còn nợ 03 kỳ là 6.000.000đồng.

Tổng cộng bà H nợ bà 45.000.000đồng. Bà yêu cầu bà H trả bà 45.000.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:

Khoảng năm 2013 bà có tham gia chơi 02 dây hụi do bà T tổ chức gồm:

Dây 1: Hụi tháng 2.000.000đồng, khai ngày 10/9/2012 âm lịch, gồm 20 phần, bà tham gia 01 phần, đến kỳ khai thứ 17 hốt hụi, được 34.600.000đồng, sau khi hốt còn lại 03 phần hụi chết bà đã đóng hụi chết xong.

Dây 2: Hụi tháng 3.000.000đồng, khai ngày 19/6/2013 âm lịch, gồm 23 hụi viên, bà tham gia 01 phần, đến kỳ khai thứ 05 hốt hụi, được 42.000.000đồng, Sau khi hốt còn lại 18 phần hụi chết bà đóng hụi chết đầy đủ.

Việc chơi hụi do bà T rủ chơi, bà T chỉ nói loại hụi, bao nhiêu hụi viên chứ không cho biết tên hụi viên, không giao danh sách hụi viên, không họp hụi viên. Việc đóng tiền hụi không có làm giấy tờ hay lập sổ sách theo dõi chỉ khi nào hốt hụi thì bà T làm giấy giao hụi, bắt ký tên nhưng không đưa hụi viên giữ mà bà tự giữ. Tại biên bản hòa giải ngày 29/4/2020 do Ủy ban nhân dân xã M hòa giải bà cũng xác định không còn nợ tiền hụi bà T. Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 111/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H trả 45.000.000đồng tiền hụi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/8/2020, nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất bà T là chủ hội, bà H là hội viên năm 2012 và 2013 bà H có tham gia 02 dây hội, dây 2.000.000 đồng và dây 3.000.000 đồng mỗi dây hội bà H tham gia 01 phần. Sau khi hốt xong bà H còn nợ lại 45.000.000 đồng không đóng hội chết bà H cho rằng đóng xong, bà T không giấy tờ gì chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà T cung cấp chứng cứ có bà Bé Tư biết bà H còn nợ tiền hội bà T nhưng cũng không đủ chứng cứ chứng minh là bà H còn nợ bà T nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Phạm Thị T còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay góp hội” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T Hội đồng xét nhận thấy: Bà T và bà H thống nhất bà T là chủ đầu thảo hội, bà H là hội viên có tham gia chơi 02 dây hội như sau:

Dây 1: Hội tháng 2.000.000đồng, khai ngày 10/9/2012 âm lịch, gồm 20 phần, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khai 01 kỳ, bà H góp hội sống đến kỳ thứ 17, hốt vào ngày 10/01/2014 âm lịch được 34.600.000đồng, sau khi hốt bà H phải đóng lại 03 phần hội chết là 6.000.000 đồng hội mãn vào ngày 10/5/2014 AL

Dây 2: Hội tháng 3.000.000đồng, khai ngày 19/6/2013 âm lịch, gồm 23 phần, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khai 01 kỳ, bà H góp hội sống đến kỳ

thứ 05 hốt vào ngày 19/10/2013 âm lịch được số tiền là 42.000.000đồng, Sau khi hốt bà H còn phải đóng lại 18 phần hui chết mỗi phần là 3.000.000 đồng.

Nhưng bà T cho rằng sau khi hốt hui thì dây hui 3.000.000 đồng bà H đóng được 05 phần đến 19/3/2014 âm lịch thì ngưng còn nợ 13 kỳ là 39.000.000 đồng. Dây hui 2.000.000 đồng bà H không đóng hui chết còn nợ lại 03 kỳ là 6.000.000 đồng. Tổng cộng bà H nợ bà T 45.000.000đồng bà T yêu cầu bà H trả 45.000.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà H không đồng ý cho rằng sau khi hốt hui bà đã đóng hui chết cho bà T đến hui mãn nên qua yêu cầu bà T thì bà H không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T xác định khi khai hui thì bà đều đưa cho hui viên 01 quyển sổ trong đó có tên của hui viên tham gia. Khi hui viên hốt hui bà giao tiền cho hui viên đều có ký nhận cụ thể bà H nhận tiền 02 dây hui của bà T đều có làm biên nhận. Trong đó thể hiện hui 2.000.000 đồng bà H hốt còn đóng lại 03 kỳ hui chết là 6.000.000 đồng, hui 3.000.000 đồng bà H hốt còn đóng lại 18 kỳ chết mỗi kỳ 3.000.000 đồng. Nhưng đối với dây hui 3.000.000 đồng thì bà T thừa nhận bà H đóng được 5 kỳ còn lại 13 kỳ không đóng là 39.000.000 đồng. Bà H cho rằng đã đóng đến hui mãn nhưng bà T không thừa nhận, bà H phải có nghĩa vụ chứng minh là đóng hui cho bà T đến mãn nhưng bà H không có giấy tờ chứng cứ gì chứng minh. Do đó bà T yêu cầu bà H trả số tiền hui 45.000.000 đồng là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải chứng minh là bà H còn nợ lại bà T số tiền 45.000.000 đồng từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là không phù hợp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Bà T kháng cáo yêu cầu bà H trả 45.000.000 đồng là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu kháng cáo của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T. Sửa bản án dân sự số: 111/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H trả cho bà Phạm Thị T số tiền 45.000.000đồng. Thời gian trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà H còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị T được nhận lại 1.125.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003446 ngày 18/5/2020 và 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003911 ngày 20/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 19/11/2020 có mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Phòng KTNV&THA TAT; (để báo cáo)
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em